

Bản án số: 08/2021/DS-PT  
Ngày 20 - 01 - 2021  
V/v tranh chấp về bồi thường  
thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Sơn;

*Các Thẩm phán:* Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Cao Đức Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:** Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLPT-DS ngày 03/11/2020 về việc Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn của bị kháng cáo, kháng nghị; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**- Bị đơn:** Ban Quản lý dự án Đ (sau đây gọi tắt là Ban quản lý dự án). Địa chỉ trụ sở: Khu đô thị mới P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Ông V. Địa chỉ: Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 1271/GUQ-BQLDS ngày 24/12/2020), có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông P. Địa chỉ: Phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh - Luật sư Văn phòng Luật sư A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Cổ phần C. Địa chỉ trụ sở: Phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần C: Ông L, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 06/01/2021), có mặt.

2. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện hợp pháp của UBND huyện H:* Ông S - Chuyên viên Phòng K, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 5 năm 2020), vắng mặt.

3. Ông T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông T:* Bà D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2020), có mặt.

4. Anh N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của anh N:* Bà D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2020), có mặt.

5. Anh S, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Chị H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người giám định:* Ông P, Giám định viên tư pháp - Công ty Cổ phần Liên doanh F. Địa chỉ: đường B, phường D, quận Đ, thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà D; bị đơn Ban Quản lý dự án Đ.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009 gia đình Bà D xây dựng ngôi nhà hai tầng (diện tích sàn 100m<sup>2</sup>) trên thửa đất số 80, tờ bản đồ số 55 tại Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, chi phí xây dựng ngôi nhà là 2.000.000.000 đồng, toàn bộ tiền xây dựng nhà là của hai vợ chồng Bà D và ông T. Đến khoảng giữa năm 2010 gia đình đưa ngôi nhà trên vào sử dụng bình thường, không có hiện tượng bị rạn nứt hoặc nghiêng, lún gì. Ngày 10/4/2012, Dự án đường V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn được khởi công, đơn vị thi công là Công ty Cổ phần C (sau đây gọi tắt là Công ty C). Năm 2013 gia đình Bà D có phản ánh việc thi công nền đường gây nứt

tường nhà đang ở của gia đình đến Ban Quản lý dự án. Sau khi kiểm tra, Ban Quản lý dự án lập phương án và dự toán sửa chữa khắc phục, với chi phí 52.912.000 đồng nhưng vợ chồng bà D, ông T không đồng ý. Bà D khởi kiện yêu cầu Ban Quản lý dự án bồi thường theo hai phương án: Yêu cầu Ban quản lý dự án cấp cho vợ chồng bà D, một thửa đất tái định cư, diện tích 100m<sup>2</sup>, vị trí tương đương trên cùng tuyến đường thuộc xã H và Ban quản lý dự án bồi thường thêm số tiền 2.000.000.000 đồng để xây dựng một ngôi nhà mới; hoặc Ban quản lý dự án bồi thường cho vợ chồng bà D số tiền 3.000.000.000 đồng.

Ngày 22/6/2020 và ngày 21/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 01/2020/QĐ-TCGD và số 01a/2020/QĐ-TCGD đối với Văn phòng K và Công ty F. Tại Kết luận giám định số 237/2020/CV-F ngày 10/9/2020 kết luận nguyên nhân gây lún, nứt và xuống cấp nhà Bà D là do trong thời gian thi công, do việc đào đất, đổ đất thừa, lấp đất, đầm rung làm nền móng tường, không có giải pháp ngăn chặn ảnh hưởng của rung chấn và dịch chuyển của đất nền; về lâu dài, trong quá trình sử dụng, do nhà Bà D nằm cận kề đường, hàng ngày luôn có những giàn xe tải chạy làm rung chuyển, tác động lên công trình đã làm ảnh hưởng đến lún và rạn nứt; một phần do bản thân kết cấu của công trình nhà ở của gia đình Bà D được xây dựng không có đơn vị thiết kế nào thực hiện, thi công đơn giản, công trình cấp thấp khoảng cuối cấp 3 gần cấp 4. Từ đó Kết luận giám định đưa ra phương án cải tại sửa chữa là giải pháp móng cọc để đỡ các kết cấu chính, phần nền, tường, trần, dầm bị nứt sẽ được đục phá ra gia cố và tô trát lại để đảm bảo an toàn, mỹ quan. Tổng giá trị thiệt hại theo tính toán là 536.313.000 đồng. Trong đó chi phí của phần gia cường móng cọc trước đây chưa có là 142.860.000 đồng; giá trị vật liệu lão hóa, hao mòn do công trình đã sử dụng được 10 năm là 98.363.000 đồng; phần bồi thường thiệt hại do gây lún, nứt, hư hỏng do khi xây dựng đường làm hư hỏng chưa khắc phục ngay là 295.090.000 đồng.

Phía bị đơn, Ban Quản lý dự án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận Kết luận giám định do không dựa trên các căn cứ khách quan nhưng không có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty C cho rằng việc xây dựng công trình đường V không ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà bà D. Hợp đồng giữa Ban Quản lý dự án và Công ty không có thỏa thuận bồi thường trong trường hợp xảy ra thiệt hại đối với bên thứ ba. Bà D yêu cầu Ban Quản lý dự án bồi thường tổng số tiền 3.000.000.000 đồng đó là việc của hai bên, Công ty không liên quan, không có trách nhiệm bồi thường vì Công ty đã thực hiện đúng biện pháp thi công được duyệt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện H không có ý kiến gì về việc Bà D yêu cầu Ban Quản lý dự án bồi thường thiệt hại. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ban Quản lý dự án Đ, có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Bà D, ông T, số tiền 147.545.000 đồng. Buộc Công ty Cổ phần C, có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Bà D, ông T, số tiền 147.545.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn.

- Về chi phí tố tụng: Bà D phải chịu 124.595.000 đồng. Buộc Ban Quản lý dự án Đ phải hoàn trả cho Bà D, số tiền 10.994.000 đồng. Buộc Công ty Cổ phần C phải hoàn trả cho Bà D, số tiền 10.994.000 đồng.

- Về án phí: Bà D, phải chịu 86.098.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ban Quản lý dự án Đ, phải chịu 7.377.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Cổ phần C phải chịu 7.377.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 29/9/2020 nguyên đơn Bà D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc Ban Quản lý dự án Đ bồi thường thiệt hại cho gia đình bà 2.000.000.000 đồng và chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng. Bị đơn Ban Quản lý dự án Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do Kết luận giám định tư pháp được tiến hành không đúng thủ tục do pháp luật quy định, báo cáo giám định công trình xây dựng công trình nhà ở của Bà D do Văn phòng K thuộc Trường Đại học T thực hiện không khách quan, thiếu logic, thiếu căn cứ khoa học.

Ngày 30/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Kết luận giám định tư pháp số 237/2020/CV-F ngày 10/9/2020 của Công ty F chưa đảm bảo trình tự, thủ tục giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng, nội dung của kết luận giám định không đảm bảo theo quy định; Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ làm rõ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan việc anh S, chị H đi nước ngoài và đơn của họ không có xác nhận của cơ quan sứ quán, lãnh sự có thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thay đổi nội dung kháng cáo; nguyên đơn Bà D, bị đơn Ban quản lý dự án và Công ty C đã tự nguyện thỏa thuận với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Ban quản lý dự án và Công ty C mỗi đơn vị hỗ trợ cho Bà D và ông T số tiền là 197. 545.000 đồng để sửa chữa nhà; về chi phí tố tụng các bên đương sự chấp nhận theo quyết định của bản án sơ thẩm và chịu ngang nhau về nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và Bà

D có đơn xin giảm án phí; xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và xem xét giảm án phí cho Bà D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện H, anh S, chị H. Tuy nhiên những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Bà D và bị đơn Ban quản lý Dự án làm trong hạn luật định nên được coi là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn và Công ty Cổ phần C đã thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án nên đã thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

[3] Ban Quản lý dự án Đ và Công ty Cổ phần C mỗi đơn vị đồng ý hỗ trợ cho Bà D và ông T số tiền là 197. 545.000 đồng để sửa chữa nhà; về chi phí tố tụng các bên đương sự chấp nhận theo bản án sơ thẩm đã phân định và chịu ngang nhau về nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

[4] Xét thỏa thuận nêu trên của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái qui định của pháp luật nên đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; đề nghị của đại diện viện kiểm sát cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận để sửa bản án theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết vụ án và như vậy, đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên cần xác định lại án phí sơ thẩm theo quy định. Về án phí dân sự phúc thẩm đương sự kháng cáo vẫn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa Bản án dân sự số 08/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 604; 605; 608 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 3; Điều 7; Điều 157; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 157; Điều 161; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:** Ban Quản lý dự án Đ và Công ty Cổ phần C mỗi đơn vị hỗ trợ cho vợ chồng Bà D và ông T số tiền là 197.545.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

**2. Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định, giám định hết tổng số tiền là 146.583.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) do Bà D và ông T đã thanh toán; các bên đương sự phải chịu như sau:

**2.1.** Bà D và ông T chịu chi phí xem xét thẩm định, giám định số tiền là 124.595.000 đồng (Một trăm hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), đã thanh toán.

**2.2.** Ban Quản lý dự án Đ và Công ty Cổ phần C mỗi đơn vị phải chịu chi phí xem xét thẩm định, giám định số tiền là 10.994.000 đồng (Mười triệu chín trăm chín mươi tư nghìn đồng) để hoàn trả cho Bà D và ông T.

**3. Về án phí:**

**3.1. Án phí sơ thẩm:**

- Bà D và ông T phải chịu 6.585.000 đồng (Sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Ban Quản lý dự án Đ phải chịu 6.585.000 đồng (Sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Công ty Cổ phần C phải chịu 6.585.000 đồng (Sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

**3.2. Án phí phúc thẩm**

- Bà D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà Bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001977 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H tỉnh Lạng Sơn.

- Ban Quản lý dự án Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001978 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H tỉnh Lạng Sơn.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/01/2021.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Hữu Lũng;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Sơn**